CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Date: 2023.02.13 17:18:19 +07'00'

trueFriend KIM Vietnam Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023
Ho Chi Minh City, February 14, 2023

Số/ *No .:* 20230214/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi : Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
To : Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Investors*

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* **FUEKIVFS**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: *Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ *KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ *Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam*
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 13/02/2023
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *1 lot of ETF = 100 000 ETF shares*

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ ***We announce the creation basket as follow:***

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng *Volume*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight (%)*
I. Chứng khoán/ ***Securities***			
1	ACB	3,700	10.15%
2	AGR	100	0.09%
3	BID	300	1.46%
4	BMI	100	0.28%
5	BSI	100	0.20%
6	BVH	100	0.56%
7	CTG	900	2.97%
8	CTS	100	0.15%
9	EIB	1,300	3.38%
10	FTS	100	0.21%
11	HCM	300	0.81%
12	HDB	2,300	4.73%
13	LPB	1,900	3.03%
14	MBB	3,300	6.85%
15	MIG	100	0.17%
16	MSB	2,100	2.99%
17	OCB	1,000	2.05%
18	ORS	300	0.30%
19	SHB	3,200	3.66%
20	SSB	1,800	6.52%
21	SSI	1,400	3.02%
22	STB	2,500	6.70%
23	TCB	3,000	9.16%
24	TPB	1,200	3.20%
25	VCB	700	7.50%
26	VCI	400	1.21%
27	VDS	100	0.08%
28	VIB	1,400	3.33%
29	VIX	800	0.65%
30	VND	1,200	1.90%
31	VPB	6,100	12.10%
II. Tiền/ ***Cash***			
.	Tiền/ *Cash* (VND)	5,105,646	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spead between a basket and 1 lot of ETF in value*
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value* : (VND) 877,128,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND) 882,233,646
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* : (VND) 5,105,646

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ ***In case stock can be replaced by cash:***

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ *Cash Substitution per share* (VND)	Đối tượng áp dụng/ *Applied to*	Lý do/ *Reason*
1	ACB	24,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
2	BID	42,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ *Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC*
3	BSI	17,750	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
4	BVH	49,800	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ *Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC*
5	LPB	14,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
6	MBB	18,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
7	MSB	12,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
8	OCB	18,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
9	STB	23,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
10	TCB	26,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
11	TPB	23,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
12	VCB	94,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ *Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC*
13	VCI	26,600	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
14	VIB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*
15	VPB	17,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ *Foreign Investors*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *The stock reaches foreign ownership limit*

- Các chỉ tiêu khác/ ***Other criteria:***

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period* (*) 13/02/2023	Kỳ trước/ *Last period* (**) 10/02/2023	Chênh lệch/ *Difference*
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation units issued*			-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation units redeemed*			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Outstanding shares*	7,700,000	7,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ *Closing price*	8,740.00	8,900.00	(160)

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period* (*) 13/02/2023	Kỳ trước/ *Last period* (**) 10/02/2023	Chênh lệch/ *Difference*
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net asset value at valuation date*			
của quỹ ETF/ *of the Fund*	67,931,990,758	69,033,702,630	(1,101,711,872)
của 1 lô CCQ ETF/ *per ETF creation unit*	882,233,646	896,541,592	(14,307,946)
của 1 CCQ/ *per Share*	8,822.33	8,965.41	(143.08)
6. Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	1,532.03	1,559.40	(27.37)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 12/02/2023 / *Item 5 is net asset value at 12/02/2023*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 9/02/2023 / *Item 5 is net asset value at 9/02/2023*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Yun Hang Jin

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN